

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 5 - 2018

V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Bà Huỳnh Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2017/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Ý N. Sinh năm: 1983

Trú tại: Tổ 28, phường Đ, quận S, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc C. Sinh năm: 1984

Trú tại: Tổ 78, phường K, quận N, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2017, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Ý N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc C kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự

nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại tổ 28 phường Đ, quận S, TP. Đà Nẵng, sau một thời gian sống hạnh phúc với nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, ông C sống không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên bài bạc, rượu chè và đánh đập bà nhiều lần nên vợ chồng luôn xảy ra cãi vã nhau; Do đó, từ tháng 10/2014 bà đã đưa con đi thuê nhà ở riêng còn ông C về sống cùng mẹ ruột tại tổ 78 phường K, quận N, TP. Đà Nẵng và cả hai sống ly thân từ đó đến nay không còn thương yêu, trách nhiệm gì với nhau nữa.

Năm 2016 bà đã làm đơn xin ly hôn ông C đã được Tòa án thụ lý và hòa giải, sau đó bà đã rút đơn về sống đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi trở về sống với ông C thì ông C vẫn không thay đổi tính tình.

Vì vậy, bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc C.

- **Về quan hệ con chung:** Bà xác nhận, bà và ông C có 01 người con chung, tên Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 01/10/2010. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Bà xác nhận không có tài sản chung.

- **Về nợ chung:** Bà xác nhận không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Ngọc C trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông xác nhận với bà N về thời gian kết hôn và thời điểm chung sống. Đến năm 2013 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo ông nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do thường hay xung đột, cãi vã nhau nên vợ chồng sống riêng từ năm 2013 đến nay; hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau. Nay bà Đinh Ý N có đơn gửi Tòa án xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về quan hệ con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 01/10/2010. Ly hôn ông đồng ý giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng con và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác nhận không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Đinh Ý N nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Ngọc C vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Đinh Ý N và ông Trần Ngọc C kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau thì đến năm 2013, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên tháng 5/2016 bà N đã làm đơn xin ly hôn ông C. Ngày 16/11/2016 Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 152/2016/QĐST-HNGĐ.

Ngày 05/12/2017 bà Đinh Ý N làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông Trần Ngọc C. Theo khai nại của bà N thì nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, ông C sống không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên bài bạc, rượu chè và đánh đập bà nhiều lần nên vợ chồng luôn xảy ra cãi vã nhau; hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn thương yêu, trách nhiệm gì với nhau nữa.

Còn theo lời khai của ông C thì mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng thường hay xung đột, cãi vã nhau nên cả hai đã sống riêng từ năm 2013 đến nay; hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau. Nay bà N xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Tại phiên tòa, bà N cương quyết xin được ly hôn ông C, còn ông C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Đinh Ý N và ông Trần Ngọc C thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Đinh Ý N được ly hôn ông Trần Ngọc C để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung:** Vợ chồng bà N và ông C có 01 người con chung, tên là Trần Ngọc Anh t, sinh ngày 01/10/2010. Ly hôn, bà N xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Còn ông C đồng ý giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con .

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu T hiện còn nhỏ và đang ở với mẹ từ trước đến nay nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng N việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con. Hơn nữa, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Trần Ngọc Anh T cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung là ý chí tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về tài sản chung:** Bà N xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Bà N xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Đinh Ý N phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Đinh Ý N đối với ông Trần Ngọc C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Ý N được ly hôn với ông Trần Ngọc C.

2. Về con chung: Giao con Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 01/10/2010 cho bà Đinh Ý N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Trần Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Đinh Ý N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001679 ngày 14/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do C đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND xã Q. H. S, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm